

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**



DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

**Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm kiểm tra tải trọng xe
(Sửa đổi, bổ sung QCVN 66:2013/BGTVT)**

Mã số nhiệm vụ: QC2311

**Chủ trì biên soạn: ThS. Trần Đức Trung
Cơ quan chủ trì: Cục Đường bộ Việt Nam**

Hà Nội, 2023

DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

1. Tên gọi QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm kiểm tra tải trọng xe (Sửa đổi, bổ sung QCVN 66:2013/BGTVT)

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của QCVN

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định các yêu cầu cơ bản về kết cấu hạ tầng và hệ thống thiết bị của trạm kiểm tra tải trọng xe trên đường bộ (sau đây gọi chung là trạm kiểm tra tải trọng xe).

2.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, quản lý, vận hành, bảo trì trạm kiểm tra tải trọng xe.

3. Cơ quan, tổ chức/cá nhân đề nghị

Tên tổ chức : Cục Đường bộ Việt Nam
Địa chỉ: Ô D20 Tôn Thất Thuyết - Cầu Giấy – Hà Nội
Chủ trì biên soạn: ThS. Trần Đức Trung
Chức danh: Phó trưởng phòng, Phòng Pháp chế - Thanh tra
Điện thoại: 84-24-38571647 Fax: 84-24-38571440
E-mail: trungtd@mt.gov.vn; trungtd@gmail.com
Tên cơ quan chủ quản: Bộ Giao thông vận tải

4. Tình hình đối tượng quy chuẩn kỹ thuật trong nước và ngoài nước

- Mạng lưới đường bộ Việt Nam đang khai thác có tổng chiều dài khoảng 630.200km, trong đó quốc lộ dài 25.598km, đường bộ cao tốc dài gần 1.600km do Bộ Giao thông vận tải (GTVT) quản lý; 28.142km đường tỉnh, 57.137km đường huyện, 483.312km đường xã trở xuống và 27.688km đường đô thị, do địa phương quản lý; 8.046km đường chuyên dùng do các tổ chức, doanh nghiệp quản lý.

- Do tình trạng đường bộ nước ta bị xuống cấp, hư hỏng nghiêm trọng, nguyên nhân chủ yếu do tình trạng xe chở hàng quá tải gia tăng. Đặc biệt loại xe tải thân liền từ 03 trục trở lên và tổ hợp xe 06 trục, có khối lượng toàn bộ của xe vượt quá quy định phổ biến $\geq 100\%$, nhiều trường hợp vượt 250%, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo tại Công điện số 95/CD-TTg ngày 10/01/2013 và Công điện số 1966/CD-TTg ngày 19/11/2013 về chấn chỉnh tình trạng phương tiện vận tải đường bộ vi phạm chở hàng quá tải trọng và tăng cường kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ. Ngày 19/4/2023, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục có Chỉ thị số 10/CT-TTg về tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong tình hình mới, trong đó có công tác kiểm tra tải trọng xe.

- Giai đoạn từ cuối năm 2016 đến năm 2022: Thanh tra giao thông đã sử dụng Trạm KTTTX lưu động, cố định và cân xách tay đã tiến hành kiểm tra 1.325.114 xe, trong đó

có 129.511 xe vi phạm, tước 83.441 giấy phép lái xe, xử phạt nộp kho bạc Nhà nước 1.969 tỷ đồng. Riêng năm 2022, các trạm KTTTX lưu động, cố định trên cả nước đã kiểm tra 114.654 xe, trong đó có 18.110 xe vi phạm, tước 2.973 giấy phép lái xe, xử phạt nộp kho bạc nhà nước 147,75 tỷ đồng.

- Theo quy định của Luật Giao thông đường bộ 2008, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP về quản lý bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Nghị định số 33/2019/NĐ-CP về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ, Thông tư số 34/2021/TT-BGTVT Quy định về quản lý, hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng xe trên đường bộ và các văn bản liên quan thì Trạm KTTTX là công trình đường bộ, thuộc tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quy chuẩn kỹ thuật trạm kiểm tra tải trọng xe; quy định về tổ chức, hoạt động của trạm kiểm tra tải trọng xe. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ trưởng Bộ GTVT đã ban hành QCVN 66:2013/BGTVT về Trạm kiểm tra tải trọng xe với 02 mô hình Trạm KTTTX là Trạm KTTTX cố định và Trạm KTTTX lưu động. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính. Trên cơ sở đó, Bộ GTVT ban hành Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021.

- Đối với Trạm KTTTX cố định: cả nước có 2 trạm KTTTX cố định đã được Bộ GTVT cho phép thí điểm xây dựng và đưa vào hoạt động là trạm Quảng Ninh đi vào hoạt động từ tháng 6/2010 và trạm Dầu Giây (Đồng Nai) từ tháng 3/2009. Tuy nhiên do một số khó khăn, tồn tại phát sinh từ mô hình này như bộ máy quản lý, vận hành và xử lý vi phạm tại Trạm lên tới gần 60 người, chi phí duy trì hoạt động và bảo trì Trạm hàng năm lớn (hơn 5 tỷ đồng mỗi năm), chưa kể sửa chữa đột xuất... nên đến nay cả 02 Trạm KTTTX cố định đã dừng hoạt động.

- Đối với Trạm KTTTX lưu động: 62 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được trang cấp 63 Trạm KTTTX lưu động. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại số Trạm còn hoạt động là 45 Trạm; số Trạm dừng hẳn hoặc tạm dừng là 18 Trạm. Nguyên nhân chính do khó khăn bố trí vị trí việc làm và biên chế công chức, tại các Sở GTVT biên chế lực lượng Thanh tra giao thông của Sở ngày càng giảm dẫn đến lực lượng Thanh tra giao thông không đủ người để thực hiện công tác KSTTX; chi phí hoạt động khá cao; Trạm không kiểm soát được toàn bộ số xe quá tải qua Trạm.

- Để ứng dụng công nghệ trong hoạt động KTTTX, Bộ GTVT đã cho phép Cục ĐBVN thí điểm lắp đặt Hệ thống cân kiểm tra tải trọng xe cố định một cấp cân (bộ cân KTTTX tự động) với công nghệ Load Cell - Wim tại đoạn Km78/QL.5 địa phận Hải Phòng. 04 bộ cân KTTTX tự động này đã đưa vào hoạt động, được thử nghiệm, theo dõi từ cuối năm 2015 và chính thức thí điểm xử phạt VPHC từ dữ liệu thu được kể từ 00h00 ngày 15/8/2020. Việc xử phạt VPHC thực hiện theo quy định tại Nghị định số 135/2021/NĐ-CP và Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT.

- Kết quả thí điểm cho thấy tỉ lệ bình quân số lượt xe tải vi phạm mức bị xử phạt trên số lượt xe đã cân giảm từ 6,9% xuống còn 0,12% (giảm 57,5 lần); số lượt xe tải vi phạm bình quân trên ngày giảm từ 176 lượt xe trên ngày xuống còn 1,5 lượt xe/ngày (giảm

117,3 lần). Các bộ cân này kiểm soát tự động 24/24h trong mọi điều kiện thời tiết; giám sát 100% số lượt xe lưu thông trên đoạn đường đặt thiết bị cân; dữ liệu được gửi đến cơ quan có thẩm quyền (Thanh tra giao thông, Cảnh sát giao thông) “phạt nguội” hoặc kiểm tra, xử phạt trực tiếp ở vị trí khác thuận lợi hơn, đảm bảo phù hợp tình hình thực tế theo xu thế công nghệ phát triển hiện nay. Ngoài ra, việc bổ sung thêm mô hình cân loại này khi hoạt động sẽ không phải bố trí công chức thanh tra kiểm tra KTTTX, bảo đảm tính khách quan và cũng là một trong các biện pháp phòng chống tiêu cực hiệu quả do không tiếp xúc trực tiếp với đối tượng có hành vi vi phạm về tải trọng xe.

- Ngoài ra, đến thời điểm hiện tại việc áp dụng các bộ cân KTTTX tốc độ cao một cấp cân (tương tự các bộ cân lắp đặt tại Km78/QL.5) đã được triển khai tại một số dự án như: Dự án đầu tư xây dựng QL.1 đoạn tránh TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo hình thức hợp đồng BOT; Dự án cao tốc Nội Bài - Lào Cai (lắp đặt trên 02 làn vào tại làn dành cho xe tải tại Trạm thu phí Phố Lu), Dự án ĐTXD Trạm cân cố định tốc độ cao 01 cấp cân trên đường DT.741, tỉnh Bình Dương, Dự án Hệ thống các Trạm kiểm tra tải trọng xe tự động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hệ thống cân kiểm tra tải trọng xe tự động của một số Chủ đầu tư quản lý, khai thác đường cao tốc như VEC, VIDIFI...

- Cục Đường bộ Việt Nam cũng đã nghiên cứu một số tài liệu liên quan đến công nghệ và mô hình cân KTTTX cố định như Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019); ĐLVN 48 : 2015 Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới – Quy trình kiểm định (Weighing scale for load control of vehicles Verification procedure); ĐLVN 225 : 2015 Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới – Quy trình thử nghiệm (Weighing scale for load control of vehicles Testing procedure); OIML R134-1: International Recommendation - Automatic instruments for weighing road vehicles in motion and measuring axle loads. Part 1: Metrological and technical requirements -Tests, Edition 2006 (E). (Khuyến nghị quốc tế - Cân tự động để cân xe di động và cân tải trọng trục. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật và đo lường - thử nghiệm, bản 2006); OIML R134-2: International Recommendation - Automatic Instruments for weighing road vehicles in motion. Total vehicle weighing. Part 2: Test Report Format, Edition 2004 (E) (Khuyến nghị quốc tế - Cân tự động để cân xe di động. Cân toàn bộ xe. Phần 2: Mẫu báo cáo thử nghiệm, bản 2004); COST 323: European WIM Specification, Version 3.0 - August 1999 – European cooperation in Science and Technology (Chỉ dẫn kỹ thuật cân động (WIM) châu Âu, bản 3.0, tháng 8/1999 - Cơ quan hợp tác châu Âu về khoa học và công nghệ); ASTM E1318-2009: A Standard Specification for Highway Weigh-in-Motion (WIM) Systems with User Requirements and Test Method (Chỉ dẫn tiêu chuẩn đối với hệ thống cân động (WIM) về yêu cầu sử dụng và phương pháp thử, bản 2009 - Hiệp hội thí nghiệm và vật liệu Mỹ). Ngoài ra, Cục Đường bộ Việt Nam cũng đã tham khảo kinh nghiệm KTTTX của một số nước như Nhật Bản, Séc, Hà Lan, Hàn Quốc, Mỹ và nhận thấy, các nước đã từng bước ứng dụng KTTTX tự động và ngày càng ở mức tự động hóa cao.

- Từ những nhận xét, đánh giá trên cho thấy việc đầu tư, lắp đặt các hệ thống cân kiểm tra tải trọng xe tự động trên đường bộ để tiến hành xử phạt “gián tiếp” là cần thiết nhằm từng bước khắc phục và giảm thiểu tình trạng xe quá tải trọng lưu thông. Hệ thống cân KTTTX tự động nếu được áp dụng sẽ tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KTTTX trên đường bộ, nhất là các quốc lộ trọng điểm, đường cao tốc và các đoạn đường bộ khác có nhiều xe tải lưu thông.

- Tuy nhiên do QCVN 66:2013/BGTVT chưa có quy định về mô hình Trạm KTTTX cố định tự động 01 cấp cân tốc độ cao nên việc đầu tư, lắp đặt các hệ thống cân KTTTX tự động trên đường bộ chưa có cơ sở. Do vậy, Bộ Giao thông vận tải đã giao Cục Đường bộ Việt Nam là Cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng sửa đổi, bổ sung QCVN 66:2013/BGTVT về trạm kiểm tra tải trọng xe (mã số nhiệm vụ QC2311) tại Quyết định số 683/QĐ-BGTVT ngày 06/6/2023. Việc sửa đổi, bổ sung QCVN 66:2013/BGTVT theo hướng giữ nguyên các quy định hiện hành về Trạm KTTTX cố định, lưu động, chỉ bổ sung các quy định về KTTTX tự động như: khái niệm, yêu cầu thiết kế, yêu cầu về kết cấu hạ tầng lắp đặt, bố trí biển báo hiệu, hệ thống phần mềm, hệ thống thiết bị... Việc xây dựng, ban hành QCVN về Trạm KTTTX (sửa đổi, bổ sung QCVN 66:2013/BGTVT) là cơ sở quan trọng để cấp thẩm quyền xem xét, cho phép đầu tư, lắp đặt, đưa vào sử dụng hệ thống cân KTTTX tự động 01 cấp cân nhằm phát hiện và xử lý vi phạm về tải trọng xe, góp phần bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông.

5. Lý do và mục đích xây dựng QCVN

- QCVN đáp ứng những mục tiêu quản lý nào sau đây:

- | | | | |
|-----------------------------|-------------------------------------|---|-------------------------------------|
| + Đảm bảo an toàn | <input checked="" type="checkbox"/> | + Bảo vệ động, thực vật | <input type="checkbox"/> |
| + Đảm bảo vệ sinh, sức khỏe | <input type="checkbox"/> | + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | <input checked="" type="checkbox"/> |
| + Bảo vệ môi trường | <input type="checkbox"/> | + Các mục tiêu quản lý khác (xử lý vi phạm, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) | <input checked="" type="checkbox"/> |

+ Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia

- QCVN dùng để: đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác các Trạm KTTTX chứng nhận hoặc công bố hợp quy

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan:

+ Luật Giao thông đường bộ 2008, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP về quản lý bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Nghị định số 33/2019/NĐ-CP về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ, Thông tư số 34/2021/TT-BGTVT Quy định về quản lý, hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng xe trên đường bộ; Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021; Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022; Luật Đo lường, Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019); ĐLVN 48 : 2015 Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới – Quy trình kiểm định (Weighing scale for load control of vehicles Verification procedure); ĐLVN 225 : 2015 Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới – Quy trình thử nghiệm (Weighing scale for load control of vehicles Testing procedure) và các văn bản có liên quan.

Trên cơ sở các quy định về quản lý nhà nước trong công tác KTTTX, tiến hành bổ sung các quy định về KTTTX tự động như khái niệm, yêu cầu thiết kế, yêu cầu về kết cấu hạ tầng lắp đặt, bố trí biển báo hiệu, hệ thống phần mềm, hệ thống thiết bị... để có cơ sở đầu tư, lắp đặt, đưa vào sử dụng hệ thống cân KTTTX tự động 01 cấp cân nhằm phát hiện và

xử lý vi phạm về tải trọng xe, góp phần bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông.

+ Yêu cầu hài hoà trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực: có tham khảo một số khuyến nghị quốc tế, chỉ dẫn quốc tế như OIML R134, COST 323, ASTM E1318-2009.

+ Các yêu cầu quản lý khác: đáp ứng yêu cầu quản lý về chất lượng công trình, thiết bị, máy móc và các yêu cầu quản lý nhà nước khác có liên quan.

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

- | | |
|-----------------------------------|-------------------------------------|
| + Quy chuẩn kỹ thuật chung | <input checked="" type="checkbox"/> |
| + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn | <input type="checkbox"/> |
| + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường | <input type="checkbox"/> |
| + Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình | <input type="checkbox"/> |
| + Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ | <input type="checkbox"/> |
| + Quy chuẩn kỹ thuật khác | <input type="checkbox"/> |

7. Những vấn đề sẽ quy định trong QCVN

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc soát xét):

- | | | | |
|--|-------------------------------------|---|--------------------------|
| + Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho lĩnh vực quản lý | <input checked="" type="checkbox"/> | + An toàn thuốc bảo vệ thực vật | <input type="checkbox"/> |
| + Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho nhóm sản phẩm, dịch vụ, quá trình | <input checked="" type="checkbox"/> | + An toàn thuốc thú y | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn sinh học | <input type="checkbox"/> | + An toàn chế phẩm sinh học và hoá chất dùng cho động thực vật | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn cháy nổ | <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về chất lượng môi trường xung quanh | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn cơ học | <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về chất thải | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn công nghiệp | <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn xây dựng | <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn hoá học | <input type="checkbox"/> | + An toàn, vệ sinh trong dịch vụ kinh doanh, thương mại | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn điện | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ bưu chính viễn thông | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn trang thiết bị y tế | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ xây dựng | <input type="checkbox"/> |

- | | | | |
|-------------------------------------|--------------------------|---|--------------------------|
| + Tương thích điện từ trường | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ khoa học, giáo dục | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn bức xạ và hạt nhân | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn thực phẩm | <input type="checkbox"/> | + An toàn vệ sinh trong dịch vụ du lịch | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn dược phẩm | <input type="checkbox"/> | + An toàn vệ sinh trong dịch vụ giải trí, văn hoá, thể thao | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn mỹ phẩm | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ vận tải | <input type="checkbox"/> |
| + Vệ sinh an toàn thức ăn chăn nuôi | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ môi trường | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn phân bón | <input type="checkbox"/> | + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác (liệt kê cụ thể) | <input type="checkbox"/> |
- Bố cục, nội dung các phần chính của QCVN (dự kiến):

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ TRẠM KIỂM TRA TẢI TRONG XE (sửa đổi, bổ sung QCVN
66:2013/BGTVT)
National Technical Regulation on Highway Weigh station

1. Quy định chung
 - 1.1. Phạm vi điều chỉnh
 - 1.2. Đối tượng áp dụng
 - 1.3. Tài liệu viện dẫn**
 - 1.4. Thuật ngữ và định nghĩa**
 - 1.5. Các từ viết tắt**
- 2. Quy định kỹ thuật**
 - 2.1. Phân loại trạm KTTTX
 - 2.2. Bố trí trạm KTTTX
 - 2.3. Yêu cầu thiết kế
3. Quy trình kiểm tra tải trọng và kích thước xe
 - 3.1. Đối với trạm KTTTX cố định
 - 3.2. Đối với trạm KTTTX lưu động
 - 3.3. Đối với trạm KTTTX tự động**
4. Yêu cầu đối với kết cấu hạ tầng
 - 4.1. Trạm KTTTX cố định
 - 4.2. Trạm KTTTX lưu động

4.3. Trạm KTTTX tự động

5. Yêu cầu đối với hệ thống báo hiệu

5.1. Báo hiệu trước trạm KTTTX cố định

5.2. Báo hiệu tại trạm KTTTX cố định

5.3. Báo hiệu tại các khu vực khác

5.4. Báo hiệu tại trạm KTTTX lưu động

5.5. Báo hiệu trước trạm KTTTX tự động

5.6. Báo hiệu tại trạm KTTTX tự động

6. Yêu cầu đối với hệ thống thiết bị

6.1. Đối với hệ thống thiết bị trạm KTTTX cố định

6.1.1. Thiết bị tại khu vực đo lường sơ cấp

6.1.2. Thiết bị tại khu vực đo lường thứ cấp

6.1.3. Thiết bị tại phòng điều khiển tại chỗ (phòng điều khiển đo lường thứ cấp)

6.1.4. Thiết bị tại nhà điều hành trung tâm

6.1.5. Thiết bị tại bất trực của lực lượng chức năng

6.1.6. Hệ thống phần mềm

6.1.7. Yêu cầu đối với hệ thống mạng và đường truyền tín hiệu

6.1.8. Yêu cầu đối với các thiết bị khác

6.2. Đối với hệ thống thiết bị trạm KTTTX lưu động

6.3. Đối với trạm KTTTX tự động

6.3.1. Thiết bị tại vùng cân (khu vực đo lường)

6.3.2. Thiết bị tại phòng khai thác, trích xuất dữ liệu và xử lý vi phạm.

6.3.3. Các yêu cầu đối với hệ thống, thiết bị khác

7. Quy định về quản lý

8. Tổ chức thực hiện

PHỤ LỤC A - Hình vẽ mẫu về trạm KTTTX cố định.

PHỤ LỤC B - Hình vẽ mẫu mô hình về trạm KTTTX tự động

Ghi chú: Các mục in đậm, nghiêng là nội dung dự kiến sẽ sửa đổi, bổ sung quy định về cân KTTTX tự động; các nội dung khác cơ bản giữ nguyên như QCVN 66:2013/BGTVT.

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: có không

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng QCVN

- Phương thức thực hiện:

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn

- + Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác
- + Xây dựng QCVN kết hợp cả tiêu chuẩn và các tài liệu khác
- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng QCVN (bản chụp kèm theo):
- + Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019).
- + ĐLVN 48 : 2015 Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới – Quy trình kiểm định (Weighing scale for load control of vehicles Verification procedure);
- + ĐLVN 225 : 2015 Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới – Quy trình thử nghiệm (Weighing scale for load control of vehicles Testing procedure);
- + OIML R134-1: International Recommendation - Automatic instruments for weighing road vehicles in motion and measuring axle loads. Part 1: Metrological and technical requirements -Tests, Edition 2006 (E). (Khuyến nghị quốc tế - Cân tự động để cân xe di động và cân tải trọng trục. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật và đo lường - thử nghiệm, bản 2006);
- + OIML R134-2: International Recommendation - Automatic Instruments for weighing road vehicles in motion. Total vehicle weighing. Part 2: Test Report Format, Edition 2004 (E) (Khuyến nghị quốc tế - Cân tự động để cân xe di động. Cân toàn bộ xe. Phần 2: Mẫu báo cáo thử nghiệm, bản 2004);
- + COST 323: European WIM Specification, Version 3.0 - August 1999 – European cooperation in Science and Technology (Chỉ dẫn kỹ thuật cân động (WIM) châu Âu, bản 3.0, tháng 8/1999 - Cơ quan hợp tác châu Âu về khoa học và công nghệ);
- + ASTM E1318-2009: A Standard Specification for Highway Weigh-in-Motion (WIM) Systems with User Requirements and Test Method (Chỉ dẫn tiêu chuẩn đối với hệ thống cân động (WIM) về yêu cầu sử dụng và phương pháp thử, bản 2009 - Hiệp hội thí nghiệm và vật liệu Mỹ).

9. Kiến nghị Ban soạn thảo QCVN

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCVN

Cục Đường bộ Việt Nam

- Ban soạn thảo QCVN

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác
1	Trần Đức Trung	PTP Phòng PCTT, Cục ĐBVN - Chủ trì biên soạn
2	Đỗ Trọng Hiếu	CVC Vụ KCHTGT, Bộ GTVT – Thành viên
3	Đỗ Công Thủy	PTP Phòng QLVT, PT&NL, Cục ĐBVN – Thành viên
4	Nguyễn Minh Đường	PTP Phòng Tài chính, Cục ĐBVN – Thành viên
5	Nguyễn Đức Cường	PTP Phòng KHĐT, Cục ĐBVN – Thành viên
6	Bùi Xuân Trường	Phó Giám đốc khu QLDB I – Thành viên
7	Nguyễn Đức Dũng	Phó Giám đốc khu QLDB II – Thành viên
8	Hoàng Quang Thanh	CVC Phòng QLBT KCHTGT, Cục ĐBVN - Thành viên

9	Đình Tuấn Tú	CV Phòng KHCNMT&HTQT, Cục ĐBVN - Thành viên
10	Trần Anh Quân	CVC Phòng PCTT, Cục ĐBVN – Thành viên
11	Nguyễn Việt Kiên	Cục ĐBVN - Thành viên thường trực
12	Vũ Thành Trung	CV Phòng PCTT, Cục ĐBVN – Thành viên
13	Lê Đức Vỹ	TP Phòng TTAT, Khu QLDB III – Thành viên
14	Tạ Thanh Tình	Trưởng VP QLDB III.3, Khu QLDB III – Thành viên
15	Trịnh Hữu Trung	CV Phòng QLVT, PT&NL, Cục ĐBVN – Thành viên
16	Nguyễn Hải Ninh	CV Phòng Tài chính, Cục ĐBVN – Thành viên
17	Lê Đăng Duy	TP Phòng TTAT, Khu QLDB I – Thành viên
18	Nguyễn Duy Nhất	PTP Phòng TTAT, Khu QLDB II – Thành viên
19	Võ Anh Khoa	PTP Phòng TTAT, Khu QLDB IV – Thành viên
20	Nguyễn Đăng Hiệp	CV Phòng KHĐT, Cục ĐBVN – Thành viên
21	Bùi Hùng Cường	CV Phòng QLBTCKHTGT, Cục ĐBVN – Thành viên
22	Đại diện Tổng cục Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	
23	Đại diện Cục Cảnh sát giao thông	
24	Đại diện các Sở GTVT: Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương	
25	Đại diện một số cơ quan khác có liên quan.	

10. Cơ quan phối hợp xây dựng QCVN

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo QCVN:

+ Tổng cục Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

+ Cục Cảnh sát giao thông;

+ Vụ Pháp chế - Bộ GTVT

+ Vụ KCHTGT - Bộ GTVT;

+ Thanh tra Bộ GTVT;

+ Cục Quản lý xây dựng, Bộ GTVT;

+ Cục Đường cao tốc Việt Nam;

+ Viện KHCN GTVT;

+ Viện Chiến lược phát triển GTVT;

+ Trung tâm kỹ thuật đường bộ.

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo QCVN:

+ Tổng cục Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

+ Cục Cảnh sát giao thông;

+ Vụ Pháp chế - Bộ GTVT

- + Vụ KCHTGT - Bộ GTVT;
- + Thanh tra Bộ GTVT;
- + Cục Quản lý xây dựng, Bộ GTVT;
- + Cục Đường cao tốc Việt Nam;
- + Văn phòng TBT Việt Nam;
- + Các Sở Giao thông vận tải;
- + Các Khu Quản lý đường bộ;
- + Chi cục quản lý xây dựng đường bộ;
- + Viện KHCN GTVT;
- + Trung tâm kỹ thuật đường bộ.
- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo QCVN:
- + Các cơ quan tham mưu của Bộ GTVT: Vụ Pháp chế, Vụ KHĐT, Vụ Tài chính;
- + Một số Ban QLDA thuộc Bộ GTVT;
- + Viện Chiến lược phát triển GTVT;
- + Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam;
- + Các chuyên gia;
- + Một số đơn vị, doanh nghiệp có hoạt động về vận tải và cân kiểm tra tải trọng xe;
- + Một số đơn vị khác có liên quan.

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCVN	7/6/2023	10/6/2023
2	Biên soạn dự thảo QCVN:	11/6/2023	16/6/2023
	- Lấy ý kiến chuyên gia,	17/6/2023	25/6/2023
	- Khảo nghiệm dự thảo, - Hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCVN	26/6/2023	28/6/2023
3	Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi	30/6/2023	30/7/2023
4	Tổ chức Hội nghị chuyên đề	01/8/2023	05/8/2023
5	Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt	05/8/2023	10/8/2023
6	Thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt	10/8/2023	25/8/2023
7	Ban hành QCVN	25/8/2023	31/8/2023

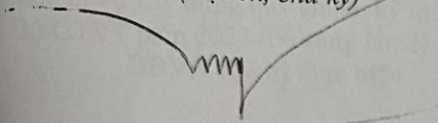
12. Dự toán kinh phí thực hiện:

Cục Đường bộ Việt Nam tự bố trí nguồn kinh phí hợp pháp để xây dựng Quy chuẩn.

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2023

CHỦ TRÌ BIÊN SOẠN


(Họ tên, chữ ký)



Trần Đức Trung

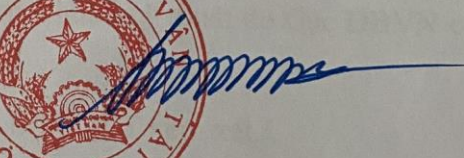
**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**




Nguyễn Mạnh Thắng

**PHÊ DUYỆT CỦA BỘ GTVT
TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KH-CN VÀ MT
PHÓ VỤ TRƯỞNG**




Trần Quang Hà